

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1044/TTr-STNMT ngày 06 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.


Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 12 năm 2019 và thay thế Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và



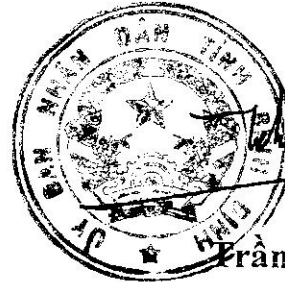
Môi trường với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP, CV;
- Trung tâm TH- CB;
- Lưu: VT, K10 (70). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Trần Châu

QUY CHẾ

Phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định
(Ban hành kèm theo Quyết định số 70 /2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này làm cơ sở pháp lý cho việc phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, các nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Đối tượng áp dụng: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Nguyên tắc, phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc phối hợp

a) Việc tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp phải tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các lĩnh vực liên quan.

b) Công tác phối hợp phải được thực hiện thường xuyên, thống nhất, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, tránh hình thức, chồng chéo nhằm vừa phát huy tính chủ động vừa đảm bảo sự chặt chẽ, đồng bộ giữa các bên để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh.

c) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chủ động giải quyết, xử lý theo thẩm quyền.



d) Khi có nội dung, nhiệm vụ cần phối hợp, cơ quan chủ trì chủ động tổ chức sự phối hợp cho phù hợp và đảm bảo hiệu quả; các đơn vị được đề nghị phối hợp có trách nhiệm tham gia trong quá trình giải quyết các nội dung theo chức năng nhiệm vụ của mình.

đ) Những nội dung không được quy định trong quy chế này thì thực hiện theo những văn bản hiện hành.

2. Phương thức phối hợp

a) Khi có những vấn đề đặt ra cần phối hợp, cơ quan đề nghị phối hợp chủ động gửi văn bản cho cơ quan được đề nghị kèm theo các tài liệu cần thiết (nếu có), cơ quan được đề nghị khi nhận được văn bản có trách nhiệm phối hợp, trả lời bằng văn bản cho cơ quan đề nghị.

b) Tăng cường công tác thông tin hai chiều, trao đổi trực tiếp hoặc thông qua chế độ hội họp; trong quá trình phối hợp, các cơ quan chủ động trao đổi, cung cấp thông tin bằng văn bản hoặc trao đổi trực tiếp về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực phối hợp hoặc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Chương II NỘI DUNG VÀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP

Điều 3. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường của tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì xây dựng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Phối hợp, tham gia xây dựng, góp ý dự thảo khi Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị; cụ thể hóa các chương trình, nghị quyết, kế hoạch, văn bản của tỉnh để triển khai thực hiện ở địa phương.

Điều 4. Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Phương án cải tạo phục hồi môi trường, Phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kiểm tra, xác nhận việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường trước khi đưa Dự án vào hoạt động chính thức

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án; xem xét, rà soát hồ sơ; tổ chức hoạt động thẩm định của Hội đồng thẩm định theo đúng quy định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt hồ sơ. Trong quá trình thẩm định hồ sơ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án tham gia kiểm tra thực tế địa điểm thực hiện dự án và mời tham gia hội đồng thẩm

định (nếu thấy cần thiết). Sau khi được phê duyệt, gửi quyết định phê duyệt và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan để theo dõi, giám sát.

Về kiểm tra, xác nhận việc thực hiện công trình bảo vệ môi trường trước khi đưa Dự án vào hoạt động chính thức: Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án; xem xét, rà soát hồ sơ; thành lập Đoàn kiểm tra; tổ chức kiểm tra theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện cử người có thẩm quyền liên quan đến lĩnh vực hồ sơ để tham gia các hoạt động của Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra khi được đề nghị.

Điều 5. Tổng hợp Kế hoạch và dự toán ngân sách từ nguồn sự nghiệp môi trường hàng năm

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Ban hành văn bản hướng dẫn lập Kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm; tổng hợp Kế hoạch, dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh để gửi Sở Tài chính xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo Phòng Tài chính-Kế hoạch phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường của địa phương và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, xây dựng kế hoạch của tỉnh. Sau khi được phân bổ kinh phí, địa phương có trách nhiệm bố trí, sử dụng kinh phí đúng với nội dung, kế hoạch, dự toán được duyệt; đồng thời, gửi về sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính để theo dõi, giám sát.

Điều 6. Công tác truyền thông nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.

1. Đối với công tác truyền thông hưởng ứng các sự kiện về môi trường

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Ban hành hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường thế giới 5/6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn và các đợt truyền thông khác.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Triển khai công tác tuyên truyền tại địa phương. Nếu được chọn tổ chức các hoạt động truyền thông cấp tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để việc tổ chức đạt kết quả tốt. Sau 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt truyền thông kỷ niệm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác bảo vệ môi trường

a) Sở Tài nguyên và môi trường: Hàng năm, tùy theo điều kiện cụ thể, có trách nhiệm tổ chức tối thiểu 01 lớp tập huấn cho cán bộ quản lý môi trường cấp huyện để phổ biến các quy định mới và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; cử cán bộ tham gia, phối hợp nếu Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu hỗ trợ chuyên môn thực hiện công tác nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học ở cơ sở.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Có trách nhiệm phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học tại địa phương; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ môi trường cấp xã và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học cho hội viên của các hội đoàn thể, cộng đồng dân cư trên địa bàn. Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học do Sở Tài nguyên và môi trường tổ chức.

Điều 7. Phát hiện, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định danh mục các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng. Xác nhận cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành xử lý triệt để

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Lập danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời gửi danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho bộ, ngành có liên quan.

b) Sau khi nhận được quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải thông tin về cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên trang thông tin điện tử của tỉnh, trên các phương tiện thông tin đại chúng cho đến khi cơ sở được chứng nhận đã hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường; đồng thời, thông báo quyết định phê duyệt danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở có hoạt động gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

c) Chủ trì rà soát, giải quyết đề nghị xác nhận cơ sở đã hoàn thành việc xử lý triệt để gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tháng 01 hàng năm, căn cứ kết quả thanh kiểm tra về môi trường của năm trước, lập danh sách các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm thuộc thẩm quyền quản lý gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, tổng hợp.

b) Đăng tải thông tin về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đang hoạt động trên địa bàn phải thực hiện biện pháp xử lý ô nhiễm theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên trang thông tin điện tử của địa phương cho đến khi cơ sở được chứng nhận đã hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường; đồng thời, phổ biến quyết định phê duyệt danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở có hoạt động gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng biết.

c) Thông tin thường xuyên về việc cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn phải thực hiện biện pháp xử lý ô nhiễm theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên hệ thống truyền thanh của địa phương.

d) Hướng dẫn các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm.

e) Cử người có thẩm quyền liên quan đến lĩnh vực hoạt động của cơ sở để tham gia phối hợp kiểm tra, hướng dẫn khi có đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, thống kê các nguồn thải phát sinh trên địa bàn tỉnh; tổ chức cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về các nguồn thải.

b) Thẩm định, đánh giá công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

c) Quản lý, giám sát hoạt động của các dự án đầu tư xây dựng cơ sở tái chế, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Thống kê nguồn thải tại các doanh nghiệp, các địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b) Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường giám sát hoạt động của các dự án đầu tư xây dựng cơ sở tái chế, xử lý chất thải trên địa bàn huyện.

c) Tổ chức hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện, xử lý vi phạm đối với các hành vi vứt rác bừa bãi nơi công cộng.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn quản lý.

Điều 9. Công tác thanh tra, kiểm tra, vận hành đường dây nóng, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường

1. Tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra định kỳ,

a) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm đối với việc thực hiện quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thuộc thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết, Kế hoạch bảo vệ môi trường do Sở xác nhận (viết tắt là cơ sở thuộc cấp tỉnh quản lý) và các dự án thuộc thẩm quyền kiểm tra, thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp

luật về bảo vệ môi trường (trừ những cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có kế hoạch kiểm tra).

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh tra, kiểm tra các cơ sở thuộc cấp huyện quản lý đối với một số nội dung chưa được phân cấp như: Quản lý chất thải nguy hại, thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Phối hợp kiểm tra các cơ sở khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh sách các cơ sở thuộc tỉnh quản lý cần thanh tra, kiểm tra, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để chủ động phối hợp.

- Trên cơ sở danh sách đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn, lập danh sách các cơ sở cần kiểm tra để phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường và danh sách các cơ sở kiểm tra về chất thải nguy hại, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 30/01 để phối hợp.

- Sau khi có kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo kết quả cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chủ trì kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm đối với việc thực hiện bảo vệ môi trường của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ có quy mô lập Bản Kế hoạch Bảo vệ môi trường, Đề án Bảo vệ môi trường và tương đương cấp huyện xác nhận.

- Trước ngày 15/01 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lập danh sách các cơ sở thuộc cấp huyện quản lý dự kiến sẽ thực hiện thanh tra, kiểm tra trong năm cần có sự hỗ trợ của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để cử công chức tham gia phối hợp.

- Phối hợp cử công chức tham gia và cung cấp thông tin hỗ trợ cho công tác thanh tra, kiểm tra do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trong công tác kiểm tra, hướng dẫn về môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể, hộ gia đình.

2. Tổ chức hoạt động kiểm tra đột xuất, thanh kiểm tra và xử lý vi phạm (nếu có) theo đơn thư tố cáo về môi trường

a) Về thẩm quyền thanh kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Như tại Mục 1, Điều 9 Quy chế này.

b) Khi nhận được thông tin phản ánh nhưng không thuộc thẩm quyền giải quyết thì cơ quan tiếp nhận thông tin phải chuyển đơn, văn bản cho cơ quan đúng thẩm quyền giải quyết. Sau khi giải quyết xong sự việc, cơ quan thụ lý trả lời cho chủ thể, đồng gửi kết quả cho cơ quan cung cấp thông tin. Việc thông báo, trao đổi thông tin giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể thực hiện bằng điện thoại.

Đối với các trường hợp khẩn cấp, phản ánh có sơ sở xả thải ra môi trường thì ngay khi nhận được thông báo của người dân (hoặc đề nghị của sở, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh) Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì kiểm tra, lấy mẫu tại chỗ, lập biên bản để cơ quan có thẩm quyền có căn cứ xử lý vi phạm hành chính sau này (Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quy trình lấy mẫu).

3. Vận hành đường dây nóng về ô nhiễm môi trường: Thực hiện theo quy chế đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2018.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Đầu mối đường dây nóng tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Xác minh thông tin tại địa phương khi có thông tin từ Sở Tài nguyên và Môi trường. Đối với những vụ việc có tính nguy cấp cần triển khai ngay việc kiểm tra hiện trường để ngăn chặn, giảm thiểu hậu quả.

4. Về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường: Thẩm quyền của xử lý vi phạm hành chính Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.

Điều 10. Ứng phó sự cố môi trường

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Có trách nhiệm huy động khẩn cấp nguồn lực để ứng phó kịp thời sự cố môi trường xảy ra trên địa bàn quản lý và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan để theo dõi.

Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo ứng phó sự cố. Việc ứng phó sự cố môi trường đặc biệt nghiêm trọng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan ứng phó sự cố được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; cử công chức tham gia hỗ trợ nếu Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị.

Điều 11. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện những thông tin về kết quả quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường hàng năm; thông tin, số liệu về các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái môi trường và những khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố. Thông tin về các văn bản pháp quy mới trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường những thông tin về hoạt động đăng ký và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường của năm trước đó trên địa bàn mình quản

lý (gửi trước ngày 01/01 hàng năm) và các báo cáo tổng hợp ngành theo quy định

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *Đề* *bu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu
Trần Châu